

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 5 – 2025.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiến.
- Ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – **Thẩm tra viên** Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: thôn E, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Hiện ở: Tổ dân phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: thôn E, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Trần Minh T1, sinh năm 1977, bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký thường trú: thôn D, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Hiện ở: Tổ dân phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2025 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/6/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng vợ chồng mới cưới nên cố gắng hàn gắn, níu kéo tình cảm. Đến tháng 4/2022, chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chị L và anh T thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc, anh T gây nợ nần và tự ý bỏ nhà đi. Chị L và anh T không còn sống chung từ tháng 4/2022 đến nay nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung, tên Nguyễn Nhật Bảo K, sinh ngày 14/3/2022, chị L yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: chị L và anh T nợ vợ chồng anh Trần Minh T1 và chị Đỗ Thị T2 số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), khi mượn có viết giấy mượn tiền. Nay chị L và anh T thương lượng xong khoản nợ này, vợ chồng anh T1, chị T2 không yêu cầu Toà án giải quyết nên chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 15/4/2025 và đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Nhật T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Anh T thừa nhận, anh T và chị L xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung cách đây 03 năm. Trong thời gian qua, anh T và chị L không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nên anh T đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Nhật Bảo K, sinh ngày 14/3/2022, anh T đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: anh T và chị L có nợ vợ chồng anh Trần Minh T1 và chị Đỗ Thị T2 số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), khi mượn có viết giấy mượn tiền, đã trả được 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nhưng anh T và chị L đã tự thỏa thuận giải quyết khoản nợ nêu trên, vợ chồng anh T1 và chị T2 không yêu cầu Toà án giải quyết nên anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại đơn trình bày ý kiến và không yêu cầu Toà án giải quyết đề ngày 15/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vợ chồng anh Trần Minh T1, chị Đỗ Thị T2 thống nhất trình bày:*

Vào năm 2020, vợ chồng anh T1, chị T2 cho vợ chồng anh T, chị L mượn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Sau khi cho mượn, cách đây 02 năm, vợ chồng Nguyễn Nhật T và Nguyễn Thị Mỹ L đã trả cho vợ chồng anh T1, chị T2 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nên số tiền gốc vợ chồng T, L còn nợ vợ chồng anh T1, chị T2 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Nay vợ chồng anh T, chị L thống nhất ly hôn và thống nhất thoả thuận trả lại tiền nợ cho vợ chồng anh T1, chị T2 nên vợ chồng anh T1, chị T2 tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại phiên toà:

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T. Về con chung: giao con chung Nguyễn Nhật Bảo K, sinh ngày 14/3/2022 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với anh Nguyễn Nhật T. Bị đơn anh Nguyễn Nhật T cư trú tại thôn E, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án “Ly hôn” nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T thống nhất tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 30/6/2020 (BL 04), đây là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T và tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, anh T đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung, tên Nguyễn Nhật Bảo K, sinh ngày 14/3/2022. Chị L và anh T thống nhất giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L và ý kiến trình bày của anh T.

[2.3] Về tài sản chung: chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị L, anh T và vợ chồng anh T1, chị T2 đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Nhật T.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Nhật Bảo K, sinh ngày 14/3/2022 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị L nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000615 ngày 24/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Bình (GCNKH số 33, ngày 30/6/2020)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà